

NỮ TRÍ THỨC VIỆT NAM VỚI NHIỆM VỤ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CNH, HĐH, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XHCN

Ngô Thị Phượng

Khoa Triết học

Trường Đại học KH Xã hội & Nhân văn

Trong dự thảo báo cáo chính trị của đại hội lần thứ IX, Đảng ta đã xác định nhiệm vụ của đất nước trong 10 năm đầu thế kỷ XXI là: tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH, xây dựng tổ quốc Việt Nam XHCN. Trong thời kỳ này, nhân dân ta phải ra sức phấn đấu để đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tập trung sức xây dựng cơ cấu nền tảng một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng và công nghệ cao, sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị và trang bị lại kỹ thuật công nghệ tiên tiến cho các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu quốc phòng, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp. Chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên một mức đáng kể; Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được định hình về cơ bản; Vị thế trong quan hệ quốc tế được củng cố và nâng cao.

Nhiệm vụ và mục tiêu trên đặt ra yêu cầu rất cao đối với toàn Đảng, toàn dân ta trong đó có đội ngũ nữ trí thức Việt Nam.

Nữ trí thức Việt Nam hiện nay chiếm khoảng 38% so với đội ngũ trí thức của cả nước. Trong những năm đổi mới đất nước (1985 - 2000), nữ trí thức Việt Nam tuy có nhiều cơ hội thuận lợi, song cũng phải đương đầu với rất nhiều thách thức mới. Mặc dù vậy, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, kế thừa truyền thống yêu nước Anh hùng - Bất khuất - Trung hậu - Đảm đang; truyền thống cần cù lao động, trí thông minh, sáng tạo của Phụ nữ Việt Nam trong lịch sử, nữ trí thức Việt Nam đã vươn lên, vượt qua khó khăn, thách thức góp phần không nhỏ vào công cuộc đổi mới đất nước. Qua đó, họ cũng đã khẳng định được vị thế, vai trò của mình đối với sự phát triển của xã hội.

Trước hết, nữ trí thức là người tổ chức, xây dựng gia đình hạnh phúc - tế bào khoẻ mạnh của xã hội

Thế nào là một gia đình hạnh phúc? đã có rất nhiều cách lý giải khác nhau. Theo chúng tôi, gia đình hạnh phúc là gia đình trong đó mọi thành viên sống bình đẳng, thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, con cái được nuôi dạy nên người, trở thành người có ích cho xã hội. Để có được một gia đình như vậy, cần có sự đóng góp tích cực của mọi thành viên trong gia đình. Trong đó người phụ nữ là ngọn lửa của tổ ấm gia đình; là người trực tiếp chăm lo sức khoẻ và hạnh phúc gia đình.

Trong gia đình, người phụ nữ vừa là người con, người mẹ, người vợ, người thầy, người bạn và cũng là người tổ chức, sắp xếp cuộc sống vật chất và tinh thần sao cho mọi thành viên của gia đình yêu thương nhau, có điều kiện phát triển nhân cách của mình; là người tham gia và là trọng tài giải quyết

hài hoà các mối quan hệ : cha mẹ - con cái; mẹ chồng - nàng dâu; ông bà - cháu chắt... Tất cả những nhiệm vụ đó được coi như “Thiên chức” đối với tất cả phụ nữ. Và nữ trí thức Việt Nam không phải là ngoại lệ. Song nữ trí thức có điều kiện thuận lợi để thực hiện những nhiệm vụ đó một cách tốt hơn. Bởi họ đều là những người có trình độ học vấn (từ cao đẳng trở lên), nên họ có phương pháp nuôi dạy con cái khoẻ mạnh, học giỏi; biết cách tổ chức cuộc sống gia đình một cách khoa học; sắp xếp sử dụng thời gian hợp lý, biết đối nhân xử thế một cách có học vấn, có trí tuệ, thuận lý, hợp tình, có tình thương và trách nhiệm v.v...

Trong những năm đất nước ta chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, cũng có nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến gia đình: xuất hiện xu hướng ly tâm trong gia đình; nhiều tệ nạn xã hội có ảnh hưởng không nhỏ đến các thành viên của gia đình, đặc biệt là con cái; Sự mất cân đối trong việc thực hiện chức năng của gia đình ; tổ ấm gia đình luôn tiềm ẩn những nguy cơ sóng gió. Song nữ trí thức luôn phát huy được truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam : chịu thương, chịu khó, vừa có trí tuệ, vừa dịu dàng, luôn giữ đạo đức, phẩm chất và bản lĩnh chính trị - khoa học của người trí thức chân chính, họ đã có đóng góp lớn đối với việc nuôi dạy con cái, khéo léo sắp xếp tổ chức gia đình. Qua điều tra ở các trường đại học cho thấy, 90% chị em đều có gia đình yên ấm và hạnh phúc. Hầu hết các chị đều có con đạt danh hiệu học sinh giỏi, xuất sắc. Nhiều chị có con đạt các giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quận, huyện, thành phố, quốc gia và quốc tế.

Xây dựng một gia đình hạnh phúc cũng có nghĩa là xây dựng một tế bào lành mạnh, khoẻ khoắn cho cơ thể xã hội. Như Bác Hồ đã nói: “*Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình.*”(1). Vì vậy, sự đóng góp lớn lao của nữ trí thức Việt Nam đối với gia đình cũng là sự đóng góp lớn lao đối với xã hội.

Thứ hai, nữ trí thức Việt Nam tham gia vào hầu hết các hoạt động của xã hội như: giảng dạy, nghiên cứu khoa học, lãnh đạo và quản lý.... Tham gia vào nhiều lĩnh vực khác nhau như: khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, nghệ thuật, y dược....; và ở các ngành khác nhau như công nghiệp, nông nghiệp, ngoại giao, ngoại thương, y tế, giáo dục Dù ở cương vị nào, lĩnh vực, ngành nghề nào, các chị đều phát huy được tiềm năng trí tuệ của mình, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn và quan trọng: đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được khó khăn, thử thách, nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao nhất từ trước tới nay; tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990, từ chỗ sản xuất thiếu lương thực, hàng tiêu dùng đến chỗ có dư, nhiều mặt hàng đã đứng vững trên thị trường thế giới; trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực, tiềm năng khoa học - công nghệ được nâng cao.

Trong giáo dục, đặc biệt giáo dục ở bậc phổ thông, nữ trí thức chiếm 70% (ở bậc đại học và sau đại học thì nữ trí thức cũng chiếm tỷ lệ quan trọng). Với đức tính dịu dàng, kiên nhẫn, lòng vị tha, các chị đã truyền bá cho thế hệ trẻ những kiến thức của mình về văn hoá, khoa học, về cuộc sống.... góp phần tiếp tục nâng cao dân trí, đưa tỷ lệ người biết đọc, biết viết tăng từ 88% năm 1989 lên 93% năm 2000; hoàn thành mục tiêu phổ cập tiểu học. Trong khi đó, năm 1945 cả nước 95% dân số mù chữ. Các chị cũng góp phần không nhỏ vào việc đào tạo nhân tài có lòng yêu nước, thông minh, sáng tạo, vươn lên bắt kịp trình độ phát triển của khoa học công nghệ hiện đại, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp

CNH - HĐH đất nước. Nhiều chị đã được nhà nước tặng danh hiệu cao quý - Nhà giáo Ưu tú như chị Hà (Nhạc viện Hà Nội), chị Châu, chị Thuận (ĐHKH Tự Nhiên)... Nhiều chị đạt danh hiệu cán bộ giảng dạy giỏi, có bài giảng hay thu hút học sinh. Ví dụ: ĐHKH XH-NV Hà Nội năm 1997 có 21/150 cán bộ nữ đạt danh hiệu cán bộ giảng dạy giỏi.

Trong khoa học, nữ trí thức ở các trung tâm, các viện nghiên cứu, các trường... đã tích cực tham gia nghiên cứu các lĩnh vực khác nhau: khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ. Nhiều chị đã tham gia hoặc chủ trì đề tài khoa học cấp bộ, cấp nhà nước và đã được đánh giá xuất sắc. Qua đó, các chị đã góp phần không nhỏ vào việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, y tế, giáo dục Nghiên cứu những vấn đề của khoa học xã hội, khoa học về con người, góp phần làm sáng tỏ những cơ sở khoa học cho đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Có rất nhiều tấm gương điển hình như: chị Lê Thị, chị Bùi Thị Kim Quy (Trung tâm nghiên cứu về gia đình và phụ nữ), chị Ngô Thị Mai (Viện Công nghiệp thực phẩm), chị Nguyễn Thị Anh Nhân (Công ty bia Đông Nam Á), chị Phạm Thị Trần Châu (Đại học Quốc gia Hà Nội), chị Hoàng Tuyết Minh (Viện Di chuyển Nông nghiệp)'' Nhiều chị vừa tham gia quản lý, vừa nghiên cứu khoa học hoặc vừa tham gia quản lý, vừa giảng dạy giỏi.

Trong 10 năm (1985-1995) 18 chị đã được nhận giải thưởng Còvalepxcaia, nhiều chị được Tổng liên đoàn lao động tặng bằng lao động sáng tạo. Viện Công nghiệp thực phẩm trong năm năm (1990-1995) có 14/22 bằng lao động sáng tạo là nữ.

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc tăng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý. Tại Hội nghị Phụ nữ Thế giới lần thứ 4, Chính phủ Việt Nam đã nhấn mạnh rằng: tăng tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế-xã hội là điểm quan trọng để thực hiện quyền bình đẳng, dân chủ của phụ nữ, là điều kiện để phát huy tài năng, trí tuệ và nâng cao địa vị xã hội của phụ nữ. Trong thực tế, nữ trí thức Việt Nam đã ngày càng khẳng định vị trí, vai trò to lớn của mình. Tại đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII. Phụ nữ chiếm 5,28% số uỷ viên bộ chính trị và 10,58% số uỷ viên trung ương Đảng. Quốc hội khoá X (1997 - 2000) có 26,2% đại biểu là nữ, trong khi đó:

Quốc hội khoá I : nữ chiếm 2,7%.

Quốc hội khoá II : nữ chiếm 11,7%.

Quốc hội khoá IX: nữ chiếm 18,5%.

Với tỷ lệ này Việt Nam đứng thứ 13/171 nước trên thế giới và đứng thứ 3 trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương về tỷ lệ nữ trong Quốc hội. Số nữ đại biểu có trình độ học vấn từ đại học trở lên ngày càng tăng:

- Khoá VII: Số nữ đại biểu có trình độ đại học so với tổng số nữ trong đại biểu quốc hội là 11,1%;

- Khoá VIII : Tỷ lệ đó là 48,9%

- Khoá IX : Tỷ lệ đó là 58,9%.

Nhiều chị đã và đang đảm đương trọng trách quan trọng trong bộ máy Chính phủ. Hiện nay nước ta có 1 Phó Chủ tịch nước, 5 Bộ trưởng và cấp tương đương, trên 20 Thứ trưởng và cấp tương đương, trên 100 cán bộ cấp vụ là phụ nữ.

Ngoài ra, còn rất đông đảo nữ trí thức tham gia lãnh đạo và quản lý ở các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các đoàn thể, các đơn vị kinh tế ...

Dù ở cương vị nào, chị em cũng luôn nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, từng bước vươn lên, thay đổi cách nghĩ, cách làm, tìm ra hướng sản xuất, kinh doanh mới đạt hiệu quả cao, chất lượng tốt góp phần ổn định, nâng cao đời sống của nhân dân.

Có thể nói, trong thời kỳ đổi mới vừa qua nhất là thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước, nữ trí thức Việt Nam đã thực sự là một lực lượng quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ của xã hội. Các chị đều là những người đảm đang trong công việc gia đình và giỏi giang trong công việc xã hội. Mà nền tảng cho những đóng góp ấy là trình độ văn hoá, học vấn và khả năng vận dụng vào các hoạt động thực tiễn.

Chẳng hạn, ĐHQG Hà Nội trong phong trào thi đua “ Giỏi việc trường, đảm việc nhà” (1995 - 2000) có 42 chị đạt danh hiệu “ Giỏi việc trường, đảm việc nhà”.

Như vậy có thể khẳng định, tiềm năng nội lực của nữ trí thức Việt Nam là rất lớn, song việc giải phóng tiềm năng đó, phát huy vai trò của chị em nữ trí thức trong những năm qua cũng còn nhiều hạn chế. Điều đó có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về khách quan, mặc dù quyền bình đẳng đối với phụ nữ đã được xã hội thừa nhận, thông qua hiến pháp, pháp luật, hệ thống chính sách xã hội, nhưng việc thực hiện hoá chúng trong đời sống xã hội còn nhiều hạn chế. Nhà nước cũng chưa có chính sách cụ thể để quan tâm, động viên thích đáng đối với nữ trí thức - với tính chất là một bộ phận lao động đặc biệt của xã hội.

Trong quan niệm của xã hội, tư tưởng gia trưởng, phong kiến, định kiến với phụ nữ vẫn còn tồn tại. Vì vậy, có những chị em không nhận được sự thông cảm, sự ủng hộ của gia đình khi tham gia các hoạt động của xã hội. Nhất là hiện nay, xã hội phát triển rất năng động, vai trò của phụ nữ nói chung và nữ trí thức nói riêng ngày càng tăng lên, điều đó cũng có nghĩa là chị em tham gia vào công việc xã hội ngày càng nhiều hơn, thì áp lực của gia đình đối với số chị em này ngày càng lớn. Điều này cũng hạn chế sự vươn lên, hạn chế vai trò của các chị đối với xã hội.

Về chủ quan, nữ trí thức Việt Nam cũng có những hạn chế nhất định: như vấn đề về sức khỏe, về trình độ học vấn, kiến thức khoa học công nghệ, năng lực chuyên môn, sự nhạy cảm, thích ứng với cái mới.... Những hạn chế này đã làm cho nhiều chị không theo kịp sự đổi mới nhanh chóng của xã hội, xuất hiện tâm lý bị bỏ rơi, tự ty. Có chị còn tư tưởng lệ thuộc, an phận, không muốn học hỏi, tiếp thu cái mới, cũng dần tự đưa mình vào tình trạng lạc hậu...

Tất cả những vấn đề trên đã tác động không nhỏ đến nữ trí thức Việt Nam, làm cho tiềm năng dồi dào của các chị chưa được khai thác triệt để, chưa được phát huy trong lao động. Vì vậy, phần nào đã hạn chế đến vị trí, vai trò của nữ trí thức đối với xã hội.

Bước sang thế kỷ XXI, khoa học và công nghệ hiện đại sẽ tiếp tục phát triển và chuyển hoá nhanh với tốc độ ngày càng cao. Khoa học và công nghệ không dừng ở khả năng nối dài các giác quan và cánh tay của con người mà còn nâng cao được năng lực tư duy vượt qua giới hạn sinh học của mình. Sự phát triển đó sẽ thay đổi đến tận tập quán, lối sống, cách nghĩ, cách làm ăn của con người, đưa loài người chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức, mà một trong những đặc trưng cơ

bản của nó là tính linh hoạt và hiệu quả cao. Các sáng kiến, phát minh không chỉ ngày càng nhiều mà còn được phổ biến cực nhanh thông qua mạng thông tin đa phương tiện hiện đại. Xu hướng hội tụ công nghệ có thể sẽ cho ra đời các loại thiết bị đa năng cầm tay hoạt động không chỉ giống như máy tính - tính toán, soạn thảo, truy nhập thông tin mà còn có khả năng xử lý, trao đổi thông tin, phiên dịch... Đây chính là cơ hội thuận lợi để những nước kém phát triển có thể nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển, tránh nguy cơ tụt hậu. Nhận thức được điều đó, Đảng ta chủ trương, trong những năm đầu thế kỷ XXI, nhiệm vụ của chúng ta là tiếp tục đổi mới đẩy mạnh CNH - HĐH, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN, bằng phương châm "đi tắt, đón đầu", lấy công nghệ thông tin làm mũi nhọn, chủ động hội nhập vào kinh tế thế giới và khu vực, đi nhanh, đi tắt vào kinh tế tri thức.

Trong quá trình đó, nữ trí thức tiếp tục khẳng định vai trò là lực lượng quan trọng, góp phần không nhỏ vào thực hiện mục tiêu của Đảng đề ra.

Thực hiện nhiệm vụ trên, sẽ có tác động mạnh mẽ đối với nữ trí thức Việt Nam. Đó là môi trường thuận lợi để nữ trí thức vươn lên, bổ túc, cập nhật kiến thức mới, theo kịp sự phát triển của Đất nước, của thời đại. Đồng thời nhiệm vụ mới của Đất nước cũng đặt ra những đòi hỏi rất cao đối với nữ trí thức Việt Nam về trình độ học vấn, chuyên môn, trình độ khoa học công nghệ, về khả năng tiếp thu cái mới, khả năng vận dụng khoa học công nghệ vào lao động, sản xuất.

Để nữ trí thức có thể đáp ứng yêu cầu của Đất nước trong giai đoạn cách mạng mới, không bị tụt hậu đối với sự phát triển của thời đại, trước hết, nữ trí thức Việt Nam phải tự mình phấn đấu vươn lên, kế thừa những truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, phát huy những tiềm năng nội lực của mình, chớp lấy những cơ hội, thuận lợi, vượt qua những trở lực thách thức mới để khẳng định vai trò to lớn, của mình. Sau nữa; Đảng và Nhà nước, các cấp chính quyền cần có chính sách thiết thực quan tâm đến tính chất lao động đặc thù của nữ trí thức, tạo động lực vật chất và tinh thần cho lao động sáng tạo của họ. Đồng thời, nữ trí thức Việt Nam luôn cần đến sự động viên, chia sẻ của gia đình và toàn xã hội, tạo điều kiện cho chị em thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong sự nghiệp tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Hồ Chí Minh. *Toàn tập, tập 9*. NXB Chính trị Quốc gia, Tr 523, Hà Nội 2000